

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 11/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thào Văn L** (Tên gọi khác: Long). Giới tính: Nam.

Sinh ngày 15/8/1988 tại huyện X, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, huyện X, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Tày. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 8/12.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Thào Văn M và bà Hoàng Thị S.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Trường S1 – Luật sư Công ty luật hợp danh V, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai (Có mặt)

*** Bị hại:** Chị Hồ Thị T (Sinh năm 1993). Địa chỉ: Thôn D, thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Thào Văn Múi. Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện X, tỉnh Lào Cai (Có mặt)

*** Những người làm chứng:**

- Anh Lê Văn T1. Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn X, huyện X, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn C1. Địa chỉ: Số 026, đường T1, tổ 11, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Trần Văn N1. Địa chỉ: Thôn T3, xã V, huyện X, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua ứng dụng zalo Thào Văn L quen biết với một phụ nữ tên Hương (là người Việt Nam) đang sinh sống tại thị trấn Hà Khẩu, Trung Quốc, Hương có nói với L nếu tìm được phụ nữ thì đưa sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông tên L1 để làm gái bán dâm sẽ được trả với giá 1 vạn nhân dân tệ, L đồng ý. Ngày 22/11/2014, L gọi điện cho Trần Văn N2 (sinh năm 1995, trú tại: thôn Lâm Tiến, xã Mường Vi, huyện X, tỉnh Lào Cai) hiện đang học Trường Trung cấp y tỉnh Lào Cai vào huyện X đón ra thành phố Lào Cai, sau khi gặp nhau cả hai đi gặp Hồ Thị T (sinh năm 1993, trú tại: thôn Ải Đông, thị trấn nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai) đang làm việc tại quán cơm số 267 đường Hồng Hà, thành phố Lào Cai. Tại đây, L rủ T sang Trung Quốc làm nhân viên quán cà phê sẽ được trả lương cao, T không nói gì nên cả hai đi về. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L và N2 thuê taxi đi đón T và một người bạn của T tên là Thúy đi hát karaoke ở khu vực dốc K30 phường Phố Mới (nay là phường Lào Cai), khi hát xong cả 4 thuê phòng nghỉ ngủ qua đêm. Ngày hôm sau, L nói với N2 là T thích N2 và bảo N2 giả vờ tán tỉnh, yêu đương với T rồi lừa đưa T sang Trung Quốc bán lấy tiền, N2 hỏi giá bán bao nhiêu thì L bảo được khoảng 1 vạn nhân dân tệ, nếu bán được thì L và N2 sẽ được hưởng 60%, còn 40% người môi giới sẽ hưởng, L nói N2 chỉ cần giả vờ tán tỉnh, yêu đương với T rồi đưa T sang Trung Quốc còn việc bán T như thế nào thì L sẽ lo, N2 đồng ý. Sau đó N2 đã nhắn tin tán tỉnh T, rủ T đi chơi nhiều nơi. Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2014, N2 rủ T đi Trung Quốc chơi, T đồng ý nên N2 đã gọi điện thông báo cho L biết. L và N2 đã hẹn gặp nhau tại khu vực đầu cầu Cốc Lếu thuộc phường Cốc Lếu, tại đây L có đưa cho N2 500.000 đồng để chi phí đi lại khi đưa T sang Trung Quốc, đồng thời L bảo N2 đưa T đến Tả Nàn Si, Hà Khẩu, Trung Quốc và đi bằng đường đò tại địa điểm Đền Thượng thuộc phường Lào Cai, khi sang đến Trung Quốc sẽ có người đón. Sau khi bàn bạc, thống nhất với N2 xong, L có gọi điện

cho một người nam giới người Trung Quốc tên Tiểu Long đến xem mặt.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, N2 và T đi đò tại khu vực tổ 28 phường Lào Cai, thành phố Lào Cai qua sông Nậm Thi sang thị trấn Hà Khẩu, Trung Quốc và được đón đưa đến quán. Tại đây, T không đồng ý làm nhân viên nên N2 đã gọi điện cho L, L nói với N2 đưa T đến quán của Hương ở thị trấn Hà Khẩu, đồng thời L có gọi điện cho Hương và gửi số điện thoại của N2 cho Hương tiện liên lạc. Sau khi gặp Hương thì N2 gọi điện cho L, L một mình từ Việt Nam sang Trung Quốc bằng sổ thông hành đến gặp mặt Hương và Linh tại Hà Khẩu, Trung Quốc. Hương và Linh đã thống nhất với L sẽ mua T với giá 1 vạn nhân dân tệ và trả dần mỗi tháng 2000CNY, L đồng ý, Hương đưa trước cho L 700CNY. Sau khi nhận tiền L về Việt Nam còn N2 vẫn ở Trung Quốc, L đã đổi 700CNY được khoảng 1.600.000 Việt Nam đồng. Hai ngày sau, N2 về Việt Nam thì Hương đưa cho N2 500CNY, khi về đến Việt Nam thì L có đưa thêm cho N2 500.000 đồng.

Sau khi bị bán sang Trung Quốc làm gái bán dâm T bị Hương, Linh và một người tên Quý ép đi làm gái bán dâm nhưng T không đồng ý nên Hương đã gọi điện cho L qua zalo yêu cầu sang Trung Quốc đón T về nên L và N2 sang Trung Quốc nộp 20.000.000 đồng cho Hương để đưa T về Việt Nam. Sau khi về Việt Nam, T đã làm đơn trình báo Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Thảo Văn L đã đi khỏi địa phương đến ngày 23/5/2023 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 15/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Thảo Văn L về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Thảo Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai trình bày lời luận tội và tranh luận: Giữ N2 quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Thảo Văn L phạm tội “*Mua bán người*”. Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Thảo Văn L từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét giải quyết. Xử lý vật chứng và tuyên án phí, quyền kháng cáo đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Thào Văn L trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Thào Văn L từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào Văn Múi trình bày quan điểm: Không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng mà ông đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại Hồ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Văn N2, của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/11/2014, Thào Văn L cùng với Trần Văn N2 đã lừa đưa Hồ Thị T sang Trung Quốc bán cho người phụ nữ tên Hương để làm gái mại dâm với giá 01 triệu nhân dân tệ.

Hành vi của các bị cáo Thào Văn L, Trần Văn N2 đã cấu thành tội “*Mua bán người*” với tình tiết định khung “*vì mục đích mại dâm*” và “*để đưa ra nước ngoài*”. Vì vậy, Cáo trạng số 38/CT-VKS-P1 ngày 15/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Thào Văn L theo điểm a, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với bị cáo Trần Văn N2 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán người*” tại Bản án số 06/2015/HSST ngày 28/5/2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về hình phạt:

Bị cáo Thào Văn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu sài, bị cáo đã rủ Trần Văn N2 cùng thực hiện hành vi lừa bán bị hại Hồ Thị T sang Trung Quốc để làm gái mại dâm. Hành vi phạm tội của Thào Văn L thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng,

trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, coi con người như một thứ hàng hóa để mua bán, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để bảo đảm tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo Thào Văn L là người khởi xướng rủ rê Trần Văn N2 cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm với vai trò chính. Trần Văn N2 sau khi được L rủ rê đã trực tiếp thực hiện hành vi lừa đưa Hồ Thị T sang Trung Quốc. Vì vậy, N2 là đồng phạm với vai trò là người thực hành.

Xét thấy, bị cáo Thào Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau một thời gian lẩn trốn truy nã, bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai để đầu thú. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Hồ Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Bố đẻ của bị cáo là ông Thào Văn Múi được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời phát huy được tác dụng đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm tội nói chung.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là cao. Bị cáo Thào Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình là ông Thào Văn Múi (bố đẻ bị cáo) lo cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, sau đó cùng với N2 sang Trung Quốc nộp cho Hương số tiền trên để đưa T về Việt Nam. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án đại diện viện kiểm sát cũng như người bào chữa đã đề nghị, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh của cơ quan điều tra, bị cáo Thào Văn L không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Hồ Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Đối với số tiền 700 CNY Hương đưa cho Thảo Văn L, về Việt Nam L đã đổi được khoảng 1.600.000 Việt Nam Đồng. Sau đó, L đưa cho N2 500.000 đồng. Theo tỷ giá 3.451 VNĐ/01 CNY thì 700 CNY tương đương 2.415.700 VNĐ. Đây là số tiền do phạm tội mà có, sau khi trừ đi số tiền 500.000 đồng L đưa cho N2, còn lại 1.915.700 đồng. Cần truy thu của bị cáo Thảo Văn L 1.915.700 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Thảo Văn L phạm tội “*Mua bán người*”

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt Thảo Văn L 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/5/2023.

Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu của Thảo Văn L số tiền 1.915.700 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Thảo Văn L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- THA Tòa án 06;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân